

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ TÀI SẢN MÃ HÓA, TIỀN MÃ HÓA TẠI VIỆT NAM

“Tài sản mã hóa, tiền mã hóa” là một loại tài sản kỹ thuật số được sử dụng như trung gian trao đổi, sử dụng mật mã để đảm bảo các giao dịch của nó¹. Để cung cấp cho các đại biểu những thông tin cần thiết về lĩnh vực này, Trung tâm Bồi dưỡng đại biểu dân cử xin gửi đến quý đại biểu một số nội dung bài viết liên quan đến thực trạng hoạt động tài sản mã hóa, tiền mã hóa ở Việt Nam, các khuyến nghị đối với công tác quản lý lĩnh vực này.

1. Về quản lý hoạt động chào bán tài sản mã hóa lần đầu ra công chúng (ICO)

1.1. Về các hoạt động chào bán tài sản mã hóa có bản chất chứng khoán

Hiện nay, chưa có quy định pháp luật cụ thể điều chỉnh hoạt động ICO đối với tài sản mã hóa có bản chất là chứng khoán. Theo Chỉ thị số 10/CT - TTg, Bộ Tài chính mới chỉ được giao nhiệm vụ: “Chỉ đạo các công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, các quỹ đầu tư chứng khoán không được thực hiện các hoạt động phát hành, giao dịch và môi giới giao dịch liên quan tới tiền ảo trái pháp luật, tuân thủ các quy định pháp luật về phòng chống rửa tiền”; và “Nghiên cứu thực tiễn và kinh nghiệm quốc tế để đề xuất biện pháp đối với hoạt động huy động vốn qua phát hành tiền ảo (ICO).

Theo kinh nghiệm quốc tế cho thấy, nếu tài sản mã hóa có thuộc tính như chứng khoán thì hoàn toàn có thể vận dụng các quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành để điều chỉnh. Tuy nhiên, trong trường hợp này, tài sản mã hóa có những đặc thù so với các loại chứng khoán “truyền thống” bởi tài sản mã hóa chỉ tồn tại trên môi trường kỹ thuật số và còn có thể được sử dụng như một phương tiện thanh toán (hỗn hợp: hybrid). Chính vì vậy, trong thời gian tới, việc nghiên cứu để hoàn thiện pháp luật chứng khoán như về điều kiện chào bán, hình thức chào bán, đăng ký chào bán, thủ tục chào bán, hồ sơ chào bán, công bố thông tin, báo cáo tài chính... đối với hoạt động ICO cần được nghiên cứu

¹ Andy Greenberg, “Crypto Currency”, <https://www.forbes.com/forbes/2011/0509/technology-psilocybin-bitcoins-gavin-andresen-crypto-currency.html?sh=6d8885a6353e>; Cryptocurrencies: A Brief Thematic Review. Economics of Networks Journal. Social Science Research Network (SSRN), https://papers.ssrn.com/sol3/papers.cfm?abstract_id=3024330

một cách kỹ lưỡng và đầy đủ hơn trên cơ sở tham khảo kinh nghiệm quốc tế. Đồng thời, cần phải cảnh báo và ngăn chặn các hoạt động ICO dưới dạng kinh doanh đa cấp trái pháp luật, mang tính chất lừa đảo.

1.2. Về các hoạt động chào bán tài sản mã hóa phí chứng khoán

Hoạt động gọi vốn cộng đồng và đầu tư mạo hiểm đối với các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo (startup) không phải là vấn đề mới ở Việt Nam. Tuy nhiên, cho tới gần đây, khung khổ pháp lý chính thức đối với các hoạt động này mới được ban hành ở Việt Nam. Ngày 12/6/2017, Quốc hội ban hành Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; trong đó, Điều 18 quy định về đầu tư cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo với nội dung chủ yếu nhằm tạo cơ chế pháp lý khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư vào doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo thông qua các hình thức trực tiếp (góp vốn thành lập, mua cổ phần, phần vốn góp tại doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp) hoặc gián tiếp (qua quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo). Ngoài việc tạo cơ sở pháp lý đơn giản, dễ dàng hơn cho khối tư nhân đầu tư vào doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo, Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017 cũng quy định theo hướng thúc đẩy các Quỹ bảo lãnh tín dụng doanh nghiệp nhỏ và vừa, Quỹ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa thực hiện đầu tư vào doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo². Tuy nhiên, các quy định tại Điều 18 Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017 mới chỉ là quy định chung. Để hướng dẫn thực hiện, ngày 11/3/2018, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 38/2018/NĐ - CP quy định chi tiết về đầu tư cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo (sau đây gọi là Nghị định số 38/2018/NĐ - CP); trong đó, tập trung chủ yếu vào việc quy định về thành lập, hoạt động của Quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo và cơ chế sử dụng ngân sách địa phương để đầu tư vào doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo. Ngoài ra, Nghị định số 38/2018/NĐ - CP cũng tạo cơ sở pháp lý chính thức đầu tiên cho sự hình thành của loại hình doanh nghiệp với chức năng và ngành nghề kinh doanh chính là “ khởi nghiệp sáng tạo ” (Điều 4).

Có thể khẳng định, so với các kênh huy động vốn truyền thống cho doanh nghiệp khởi nghiệp hiện hành, Điều 18 Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017 và Nghị định số 38/2018/NĐ - CP đã tạo cơ sở pháp lý thông thoáng

² Xem Điều 9, Điều 20 Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017

hơn rất nhiều, tạo cầu nối cho các tổ chức, cá nhân sở hữu vốn muốn tìm kiếm cơ hội đầu tư mạo hiểm đến với các cá nhân, tổ chức sở hữu ý tưởng sáng tạo tiềm năng nhưng thiếu vốn. Tuy nhiên, như đã đề cập, hình thức đầu tư vào doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo, mặc dù dễ dàng, thuận lợi và đa dạng hơn nhưng vẫn dựa trên cơ sở việc góp vốn thành lập, mua cổ phần; phần vốn góp theo các nguyên tắc thông thường của pháp luật về doanh nghiệp chứ chưa có quy định nào cho phép doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo phát hành tài sản mã hóa ảo để huy động vốn cộng đồng như hoạt động ICO.

Như vậy, hình thức huy động vốn thông qua ICO chưa được ghi nhận trong chế định pháp luật về khởi nghiệp sáng tạo tại Việt Nam. Mặt khác, quy định tại điểm c khoản 1 Điều 4 Nghị định số 52/2013/NĐ - CP, sửa đổi, bổ sung đã cấm: “Lợi dụng danh nghĩa hoạt động kinh doanh thương mại điện tử để huy động vốn trái phép từ các thương nhân, tổ chức, cá nhân khác. Nếu hoạt động ICO không tuân thủ quy định pháp luật khác, như pháp luật chứng khoán, hoạt động này có thể sẽ vi phạm Nghị định số 52/2013/NĐ - CP, sửa đổi, bổ sung.

2. Về quản lý hoạt động sử dụng, mua bán, trao đổi, lưu thông tài sản ảo, tài sản mã hóa, tiền ảo, tiền mã hóa

2.1. Căn cứ xác lập quyền sở hữu và giá trị pháp lý của các giao dịch liên quan TER

- Để được thừa nhận là một căn cứ xác lập quyền sở hữu đối với loại tài sản này, các hoạt động “đào” tài sản mã hóa (như đào Bitcoin), “phát hành” tài sản mã hóa (như ICO) hay các giao dịch trao đổi, mua bán tài sản mã hóa sau khi “đào”, “phát hành” cần được pháp luật công nhận là một trong những căn cứ xác lập quyền sở hữu. Điều 221 Bộ luật Dân sự năm 2015 khẳng định: “Quyền sở hữu được xác lập đối với tài sản trong trường hợp sau đây:

1. Do lao động, do hoạt động sản xuất, kinh doanh hợp pháp, do hoạt động sáng tạo ra đối tượng quyền sở hữu trí tuệ;
2. Được chuyển quyền sở hữu theo thỏa thuận hoặc theo bản án, quyết định của Tòa án, cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác;
3. Thu hoa lợi, lợi tức;
4. Tạo thành tài sản mới do sáp nhập, trộn lẫn, chế biến;
5. Được thừa kế;

6. Chiếm hữu trong các điều kiện do pháp luật quy định đối với tài sản vô chủ, tài sản không xác định được chủ sở hữu, tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được tìm thấy; tài sản do người khác đánh rơi, bỏ quên; gia súc, gia cầm bị thất lạc, vật nuôi dưới nước di chuyển tự nhiên;

7. Chiếm hữu, được lợi về tài sản theo quy định tại Điều 236 của Bộ luật này;

8. Trường hợp khác do luật quy định".

Như đã phân tích ở trên, tài sản ảo, tiền ảo nói chung hay tài sản mã hóa, tiền mã hóa nói riêng là khách thể của quyền dân sự, việc “đào”, “phát hành” hay mua bán, trao đổi chúng có thể được coi là căn cứ xác lập quyền sở hữu theo Điều 221 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về giá trị pháp lý của một giao dịch liên quan đến loại “tài sản” mới này, Điều 117 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: “Giao dịch dân sự có hiệu lực khi có đủ các điều kiện sau đây:

Thứ nhất, chủ thể có năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự phù hợp với giao dịch dân sự được xác lập;

Thứ hai, chủ thể tham gia giao dịch dân sự hoàn toàn tự nguyện;

Thứ ba, mục đích và nội dung của giao dịch dân sự không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Như vậy, nếu các chủ thể tham gia giao dịch dân sự có liên quan đến tài sản mã hóa, tiền mã hóa đáp ứng các điều kiện về năng lực chủ thể và sự tự nguyện (điều kiện a và b), cũng như mục đích và nội dung của giao dịch dân sự (không nhằm mục đích rửa tiền, tài trợ khủng bố hay các giao dịch bất hợp pháp khác theo quy định của luật) thì các giao dịch này phải được công nhận.

Về mặt kỹ thuật, người sở hữu hoặc tham gia giao dịch liên quan đến tài sản mã hóa cần có một tài khoản riêng được bảo vệ bởi cặp khóa cá nhân và khóa công khai. Thông tin về việc sở hữu cũng như tất cả các giao dịch liên quan đến từng loại tiền mã hóa, tài sản mã hóa của mỗi chủ tài khoản cụ thể được lưu trữ trên sổ cái phân tán, trong đó thông tin về việc sở hữu hoặc thực hiện các giao dịch của mỗi thành viên đều được lưu trữ và gần như không thể bị thay đổi. Do đó, chủ sở hữu của cặp khóa công khai và khóa cá nhân này chứng minh căn cứ phát sinh quyền sở hữu, thời điểm xác lập quyền sở hữu đối với từng loại tiền mã hóa, tài sản mã hóa mà người đó sở hữu thông qua hoạt động “đào”, hoặc “phát hành”, hoặc mua bán, trao đổi từ các thông tin được lưu trữ trên sổ cái

phân tán đó. Như vậy, theo các quy định tại Điều 117 và Điều 221 Bộ luật Dân sự năm 2015, tài sản mã hóa, tiền mã hóa là khách thể của quyền dân sự trong việc xác lập quyền sở hữu hoặc đảm bảo điều kiện hiệu lực của giao dịch dân sự. Tuy nhiên, ngoại trừ hoạt động “đào” thì các thông tin về xác lập quyền sở hữu về cơ bản được thực hiện độc lập hoàn toàn phụ thuộc vào thuật toán, đối với hoạt động “phát hành” hay mua bán, trao đổi, các giao dịch liên quan đến tài sản mã hóa phụ thuộc vào quyết định của những người tham gia và thường gắn với một loại tài sản mã hóa khác hoặc với tiền pháp định và có thể có sự tham gia của bên trung gian thứ ba là các bên cung cấp dịch vụ liên quan như sàn giao dịch, ví điện tử,...

Vì vậy, trong trường hợp không thừa nhận “tài sản mã hóa” và không cho phép thực hiện giao dịch cũng như cung cấp các dịch vụ trung gian liên quan đến giao dịch tài sản mã hóa thì các hoạt động này vẫn có thể diễn ra trực tiếp giữa những người sở hữu tài sản mã hóa, tuy nhiên giao dịch loại này tiềm ẩn nhiều rủi ro liên quan đến lừa đảo, rửa tiền và việc giải quyết các tranh chấp phát sinh có liên quan đến việc xác lập quyền sở hữu hoặc thực hiện các giao dịch dân sự trở nên rất khó khăn do không thể yêu cầu tuân thủ quy định về định danh khách hàng (KYC) và không thừa nhận tính pháp lý của việc sở hữu tài sản mã hóa cũng như thực hiện giao dịch có liên quan.

2.2. Về hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh, hạn chế kinh doanh và kinh doanh có điều kiện

Điều 63 Luật Thương mại năm 2005, sửa đổi năm 2017, 2019 quy định về mua bán hàng hóa qua Sở dịch hàng hóa. Theo đó, mua bán hàng hóa qua Sở giao dịch hàng hóa là hoạt động thương mại, trong đó, các bên. thỏa thuận thực hiện việc mua bán một lượng nhất định của một loại hàng hóa nhất định qua Sở giao dịch hàng hoá theo những tiêu chuẩn của Sở giao dịch hàng hoá với giá được thỏa thuận tại thời điểm giao kết hợp đồng và thời gian giao hàng được xác định tại một thời điểm trong tương lai.

Về Sở giao dịch hàng hóa, Điều 67 Luật Thương mại năm 2005, sửa đổi năm 2017, 2019 quy định Sở giao dịch hàng hoá có các chức năng sau đây: cung cấp các điều kiện vật chất - kỹ thuật cần thiết để giao dịch mua bán hàng hoá, điều hành các hoạt động giao dịch; và niêm yết các mức giá cụ thể hình thành trên thị trường giao dịch tại từng thời điểm. Tuy nhiên, theo Điều 68 Luật

Thương mại năm 2005, sửa đổi năm 2017, 2018 danh mục hàng hóa giao dịch tại Sở giao dịch hàng hóa do Bộ trưởng Bộ Công thương (trước đây là Bộ Thương mại) quy định. Hiện nay, hoạt động kinh doanh tài sản ảo, tài sản mã hóa nói chung và tiền ảo, tiền mã hóa nói riêng chưa được văn bản quy phạm pháp luật nào ghi nhận là hàng hóa, dịch vụ nên chưa được điều chỉnh theo quy định của Luật Thương mại. Tuy nhiên, như đã phân tích ở trên, do tài sản ảo, tài sản mã hóa nói chung và tiền ảo, tiền mã hóa đều có thể được coi là tài sản theo quy định của pháp luật dân sự nên các loại tài sản này đều có thể trở thành hàng hóa (nếu không phải là chứng khoán hay phương tiện thanh toán theo quy định của Luật Thương mại). Trong trường hợp này, việc ghi nhận tài sản ảo, tài sản mã hóa nói chung và tiền ảo, tiền mã hóa là một loại hàng hóa là cơ sở để có thể xem xét áp dụng các loại thuế và xác định mức thuế phù hợp. Tuy nhiên, cần lưu ý rằng theo quy định tại Điều 25 Luật Thương mại năm 2005, sửa đổi năm 2017, 2019 tài sản ảo, tài sản mã hóa nói chung và tiền ảo, tiền mã hóa không thuộc danh mục các hàng hóa bị cấm kinh doanh, không thuộc danh mục hàng hóa kinh doanh có điều kiện.

2.3. Về kinh doanh theo phương thức đa cấp

Theo quy định tại khoản 11 Điều 3 Luật Cảnh tranh năm 2004: “Bán hàng đa cấp là phương thức tiếp thị để bán lẻ hàng hóa đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Việc tiếp thị để bán lẻ hàng hóa được thực hiện thông qua mạng lưới người tham gia bán hàng đa cấp gồm nhiều cấp, nhiều nhánh khác nhau;

b) Hàng hóa được người tham gia bán hàng đa cấp tiếp thị trực tiếp cho người tiêu dùng tại nơi ở, nơi làm việc của người tiêu dùng hoặc địa điểm khác không phải là địa điểm bán lẻ thường xuyên của doanh nghiệp hoặc của iOS người tham gia;

c) Người tham gia bán hàng đa cấp được hưởng tiền hoa hồng, tiền thưởng hoặc lợi ích kinh tế khác từ kết quả tiếp thị bán hàng của mình và của người tham gia bán hàng đa cấp cấp dưới trong mạng lưới do mình tổ chức và mạng lưới đó được doanh nghiệp bán hàng đa cấp chấp thuận”.

Ngày 12/6/2018, Quốc hội đã thông qua Luật Cảnh tranh năm 2018 để thay thế Luật Cảnh tranh năm 2004, có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2019, trong đó không còn quy định về bán hàng đa cấp. Tuy nhiên, theo quy định tại Phụ lục 4

của Luật Đầu tư năm 2014, sửa đổi, bổ sung năm 2016, 2017, 2018 hoạt động kinh doanh theo phương thức bán hàng đa cấp thuộc Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện. Hiện nay, theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 40/2018/NĐ - CP ngày 12/3/2018 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp (sau đây gọi là Nghị định số 40/2018/NĐ - CP: “Kinh doanh theo phương thức đa cấp là hoạt động kinh doanh sử dụng mạng lưới người tham gia gồm nhiều cấp, nhiều nhánh, trong đó, người tham gia được hưởng hoa hồng, tiền thưởng và lợi ích kinh tế khác từ kết quả kinh doanh của mình và của những người khác trong mạng lưới”. Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 40/2018/NĐ-CP, hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp chỉ được thực hiện đối với hàng hóa, mọi hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp với đối tượng không phải là hàng hóa đều bị cấm, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. Trong khi đó, như đã trình bày ở trên, theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật Thương mại năm 2005, sửa đổi năm 2017 thì hàng hóa bao gồm: (i) Động sản, kể cả động sản hình thành trong tương lai; và (ii) Vật gắn liền với đất đai. Như vậy, đối chiếu với quy định về hàng hóa theo quy định của Luật Thương mại năm 2005, sửa đổi năm 2017, 2019 thì tài sản ảo, tài sản mã hóa nói chung và tiền ảo, tiền mã hóa có thể chưa được thừa nhận là “hàng hoá”; vì vậy, theo quy định hiện hành về hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp thì tài sản ảo, tài sản mã hóa nói chung và tiền ảo, tiền mã hóa có thể bị cấm kinh doanh theo phương thức đa cấp. Mặt khác, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 4 Nghị định số 40/2018/NĐ-CP, sản phẩm nội dung thông tin số là một trong những hàng hóa không được kinh doanh theo phương thức đa cấp. Tài sản ảo, tài sản mã hóa nói chung và tiền ảo, tiền mã hóa nói riêng cũng có thể coi là sản phẩm nội dung thông tin số.

Như vậy, trong mọi trường hợp, việc kinh doanh theo phương thức đa cấp đối với tài sản ảo, tài sản mã hóa nói chung và tiền ảo, tiền mã hóa nói riêng là vi phạm pháp luật. Tuy nhiên, vấn đề thực thi pháp luật và tuyên truyền pháp luật đóng vai trò rất quan trọng để có thể tránh được các vụ việc có dấu hiệu kinh doanh đa cấp trái phép liên quan đến tài sản ảo, tiền ảo như trong thời gian vừa qua.

2.4. Về điều kiện đầu tư, kinh doanh

Theo quy định tại Điều 33 Hiến pháp năm 2013: “Mọi người có quyền tự do kinh doanh trong những ngành nghề mà pháp luật không cấm”. Theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Luật Doanh nghiệp năm 2014: doanh nghiệp có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm. Trong khi đó, dưới góc độ Luật Đầu tư năm 2014, sửa đổi, bổ sung năm 2016, 2017, 2018, ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh được quy định cụ thể tại Điều 6: ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện được quy định cụ thể tại Điều 7 và Phụ lục 4 của Luật Đầu tư năm 2014, sửa đổi, bổ sung năm 2016, 2017, 2018. Hiện tại, tài sản ảo, tài sản mã hóa nói chung và tiền ảo, tiền mã hóa nói riêng không thuộc ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh hay ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo quy định của Luật Đầu tư năm 2014, sửa đổi, bổ sung năm 2016, 2017, 2018. Mặt khác, như đã phân tích ở trên, tài sản ảo, tài sản mã hóa nói chung và tiền ảo, tiền mã hóa nói riêng không thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh, hạn chế kinh doanh và kinh doanh có điều kiện theo Luật Thương mại 2005, sửa đổi năm 2017, 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Như vậy, nếu Quốc hội không ban hành văn bản cấm đầu tư kinh doanh loại “tài sản” đặc biệt này thì hoạt động đầu tư kinh doanh như vậy không phải là hoạt động vi phạm pháp luật đầu tư kinh doanh tại Việt Nam. Tuy nhiên, nếu Nhà nước muốn kiểm soát hoạt động đầu tư kinh doanh tài sản ảo, tài sản mã hóa nói chung và tiền ảo, tiền mã hóa nói riêng (không phải cấm) thì có thể sửa đổi, bổ sung Phụ lục 4 của Luật Đầu tư năm 2014, sửa đổi, bổ sung năm 2016, 2017, 2018 theo hướng coi hoạt động đầu tư kinh doanh “tài sản” đặc biệt này là ngành, nghề kinh doanh có điều kiện.

2.5. Về hoạt động kinh doanh

Trên môi trường mạng và giao dịch điện tử Luật Công nghệ thông tin năm 2006, sửa đổi, bổ sung năm 2017 có các quy định mang tính nguyên tắc mà các hoạt động liên quan đến tài sản ảo, tài sản mã hóa nói chung và tiền ảo, tiền mã hóa có thể chịu sự điều chỉnh, thậm chí có thể được khuyến khích từ góc độ phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin. Luật Công nghệ thông tin năm 2006, sửa đổi, bổ sung năm 2017 khẳng định các chính sách của Nhà nước đối với việc ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin, bao gồm: tạo điều kiện để tổ chức, cá nhân hoạt động ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu

phát triển kinh tế - xã hội; khuyến khích đầu tư cho lĩnh vực công nghệ thông tin; bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin³... Khoản 2 Điều 8 Luật Công nghệ thông tin năm 2006, sửa đổi, bổ sung năm 2017 khẳng định tổ chức, cá nhân tham gia phát triển công nghệ thông tin có các quyền: (i) Nghiên cứu và phát triển sản phẩm công nghệ thông tin; (ii) Sản xuất sản phẩm công nghệ thông tin; và (iii) Số hóa, duy trì và làm tăng giá trị các nguồn tài nguyên thông tin.

Bên cạnh đó, Luật Công nghệ thông tin năm 2006, sửa đổi, bổ sung năm 2017 còn đưa ra một số quy định có liên quan đến tài sản ảo, tài sản mã hóa nói chung và tiền ảo, tiền mã hóa như: Nhà nước khuyến khích tổ chức, cá nhân thực hiện thanh toán trên môi trường mạng theo quy định của pháp luật nhưng điều kiện, quy trình, thủ tục thanh toán trên môi trường mạng do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định⁴; Nhà nước tạo điều kiện để tổ chức, cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ chuyển giao kết quả nghiên cứu - phát triển công nghệ, sản phẩm công nghệ thông tin để ứng dụng rộng rãi vào sản xuất và đời sống⁵.

Về yêu cầu công khai thông tin, Luật Công nghệ thông tin năm 2006, sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định về nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân khi hoạt động kinh doanh trên môi trường mạng phải công khai những thông tin như: tên, địa chỉ địa lý, số điện thoại, địa chỉ thư điện tử, thông tin về quyết định thành lập, giấy phép hoạt động hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nếu có); tên cơ quan quản lý nhà cung cấp (nếu có); thông tin về giá, thuế, chi phí vận chuyển (nếu có) của hàng hóa, dịch vụ⁶. Đối với trang thông tin điện tử bán hàng, một trong những yêu cầu được Luật Công nghệ thông tin năm 2006, sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định: trang thông tin điện tử bán hàng phải cung cấp đầy đủ, chính xác thông tin về hàng hóa, dịch vụ, điều kiện giao dịch, thủ tục giải quyết tranh chấp và bồi thường thiệt hại⁷.

³ Điều 5 Luật Công nghệ thông tin năm 2006, sửa đổi, bổ sung năm 2017

⁴ Điều 33 Luật Công nghệ thông tin năm 2006, sửa đổi, bổ sung năm 2017

⁵ Khoản 3 Điều 38 Luật Công nghệ thông tin năm 2006, sửa đổi, bổ sung năm 2017

⁶ Khoản 2 Điều 9 Luật Công nghệ thông tin năm 2006, sửa đổi, bổ sung năm 2017

⁷ Khoản 2 Điều 30 Luật Công nghệ thông tin năm 2006, sửa đổi, bổ sung năm 2017

Như vậy, các hoạt động liên quan đến tài sản ảo, tài sản mã hóa nói chung và tiền ảo, tiền mã hóa, về nguyên tắc, cũng thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Công nghệ thông tin năm 2006, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tuy nhiên, Luật này chỉ quy định các nguyên tắc chung cho việc áp dụng và phát triển công nghệ thông tin, trong đó có loại “tài sản” đặc biệt này. Luật Giao dịch điện tử năm 2005 điều chỉnh giao dịch điện tử trong lĩnh vực dân sự, kinh doanh, thương mại và các lĩnh vực khác do pháp luật quy định; trong đó giao dịch điện tử được xác định là giao dịch được thực hiện bằng phương tiện điện tử⁸. Như vậy, các giao dịch liên quan tài sản ảo, tài sản mã hóa nói chung và tiền ảo, tiền mã hóa thực hiện trên môi trường kỹ thuật số và nguyên tắc là giao dịch điện tử thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật này.

Luật Giao dịch điện tử năm 2005 quy định hợp đồng điện tử là hợp đồng được thiết lập dưới dạng thông điệp dữ liệu theo quy định; trong đó, thông điệp dữ liệu được thể hiện dưới hình thức trao đổi dữ liệu điện tử, chứng từ điện tử, thư điện tử, điện tín, điện báo, fax và các hình thức tương tự khác; việc giao kết hợp đồng điện tử là việc sử dụng thông điệp dữ liệu để tiến hành một phần hoặc toàn bộ giao dịch trong quá trình giao kết hợp đồng; đồng thời, một trong những nguyên tắc giao kết và thực hiện hợp đồng điện tử là các bên tham gia có quyền thỏa thuận sử dụng phương tiện điện tử trong giao kết và thực hiện hợp đồng⁹. Như vậy, việc giao dịch, trao đổi “tài sản” đặc biệt nguyên tắc, có thể coi là một loại hình giao dịch điện tử thuộc đối tượng điều chỉnh của Luật Giao dịch điện tử năm 2005. Tuy nhiên, tương tự như Luật Công nghệ thông tin năm 2006, sửa đổi, bổ sung năm 2017, Luật Giao dịch điện tử năm 2005 cũng chỉ quy định các nguyên tắc chung (có tính đặc thù so với giao dịch “truyền thống”) đối với các giao dịch trên môi trường kỹ thuật số, nhưng chưa bao quát các đặc thù của giao dịch liên quan “tài sản” đặc biệt này. Để quy định cụ thể, chi tiết về nội dung đối với thương mại điện tử, trên cơ sở Luật Công nghệ thông tin năm 2006, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Luật Giao dịch điện tử năm 2005 cùng các luật khác liên quan giao dịch thương mại, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 52/2013/NĐ - CP, sửa đổi, bổ sung với phạm vi điều chỉnh là phát triển, ứng

⁸ Điều 1, khoản 6 Điều 4 Luật Giao dịch điện tử năm 2005

⁹ Điều 10, Điều 33, Điều 35, Điều 36 Luật Giao dịch điện tử năm 2005

dụng và quản lý hoạt động thương mại điện tử¹⁰. Cụ thể, Nghị định số 52/2013/NĐ - CP, sửa đổi, bổ sung đã có quy định chi tiết về website thương mại điện tử và sàn giao dịch thương mại điện tử. Theo đó, website thương mại điện tử là trang thông tin điện tử được thiết lập để phục vụ một phần hoặc toàn bộ quy trình của hoạt động mua bán hàng hóa hay cung ứng dịch vụ, từ trưng bày giới thiệu hàng hóa, dịch vụ đến giao kết hợp đồng, cung ứng dịch vụ, thanh toán và dịch vụ sau bán hàng; sàn giao dịch thương mại điện tử là website thương mại điện tử cho phép các thương nhân, tổ chức, cá nhân không phải chủ sở hữu website có thể tiến hành một phần hoặc toàn bộ quy trình mua bán hàng hóa, dịch vụ trên đó (nhưng không bao gồm các website giao dịch chứng khoán trực tuyến)¹¹.... Như vậy, trường hợp tài sản ảo, tài sản mã hóa nói chung và tiền ảo, tiền mã hóa với những đặc tính của mình được coi hàng hóa thì việc trao đổi, mua bán chúng thông qua các nền tảng giao dịch trực tuyến trên mạng sẽ thuộc sự điều chỉnh của Nghị định số 52/2013/NĐ - CP, sửa đổi, bổ sung.

2.6. Về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng

Theo Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2018 về phạm vi điều chỉnh, bên cạnh quyền và nghĩa vụ của người tiêu dùng, Luật này quy định trách nhiệm của tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ đối với người tiêu dùng, về đối tượng áp dụng, ngoài người tiêu dùng, Luật này chỉ áp dụng đối với tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ¹².

Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2018 quy định nghĩa vụ của người tiêu dùng và các hành vi bị cấm của tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ nhằm bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng, trong đó có quy định cấm tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ lừa dối hoặc gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng thông qua hoạt động quảng cáo hoặc che. giấu, cung cấp thông tin không đầy đủ, sai lệch, không chính xác về: (i) Hàng hóa, dịch vụ và tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ; (ii) Uy tín, khả năng kinh doanh, khả năng cung cấp hàng hóa, dịch vụ của tổ chức, cá nhân

¹⁰ Điều 1 Nghị định số 52/2013/NĐ - CP, sửa đổi, bổ sung.

¹¹ Khoản 8 và 9 Điều 3 Nghị định số 52/2013/NĐ - CP, sửa đổi, bổ sung.

¹² Điều 1 và Điều 2 Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2018.

kinh doanh hàng hóa, dịch vụ; (iii) Nội dung, đặc điểm giao dịch giữa người tiêu dùng với tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ¹³.

Tuy nhiên, như đã phân tích ở trên tài sản ảo, tài sản mã hóa nói chung và tiền ảo, tiền mã hóa nói riêng chưa được thừa nhận một cách minh thị là “hàng hóa” hay “dịch vụ” theo pháp luật Việt Nam hiện hành. Do đó, về nguyên tắc rất khó để áp dụng pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng đối với các hoạt động liên quan đến “tài sản” đặc biệt này.

2.7. Về phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố

Các văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh hoạt động phòng, chống rửa tiền gồm: (1) Luật Phòng, chống rửa tiền năm 2012; (ii) Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 (Điều 324 quy định về Tội rửa tiền). Trên cơ sở quy định của các văn bản trên, Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã ban hành văn bản hướng dẫn triển khai công tác phòng, chống rửa tiền. Các văn bản hiện đang được áp dụng trực tiếp đối với các tổ chức tín dụng là Nghị định số 116/2013/NĐ - CP ngày 04/10/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống rửa tiền; Quyết định số 20/2013/QĐ - TTg ngày 18/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ quy định mức giá trị của giao dịch có giá trị lớn phải báo cáo và Thông tư số 35/2013/TT - NHNN ngày 31/12/2013 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn thực hiện một số quy định về phòng, chống rửa tiền được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 31/2014/TT - NHNN ngày 11/11/2014 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Theo quy định của Luật Phòng, chống rửa tiền năm 2012, rửa tiền là hành vi của tổ chức, cá nhân nhằm hợp pháp hóa nguồn gốc của tài sản do phạm tội mà có, bao gồm: (i) Hành vi được quy định trong Bộ luật Hình sự; (ii) Trợ giúp cho tổ chức, cá nhân có liên quan đến tội phạm nhằm trốn tránh trách nhiệm pháp lý bằng việc hợp pháp hóa nguồn gốc tài sản do phạm tội mà có; và (iii) Chiếm hữu tài sản nếu tại thời điểm nhận tài sản đã biết rõ tài sản đó do phạm tội mà có, nhằm hợp pháp hóa nguồn gốc tài sản (khoản 1 Điều 4). Khái niệm “tài sản” theo khoản 2 Điều 4 Luật này bao gồm “vật, tiền, giấy tờ có giá và các quyền tài sản theo quy định của Bộ luật Dân sự, có thể tồn tại dưới hình thức vật chất hoặc

¹³ Khoản 1 Điều 10 Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2018

phi vật chất; động sản hoặc bất động sản; hữu hình hoặc vô hình; các chứng từ hoặc công cụ pháp lý chứng minh quyền sở hữu hoặc lợi ích đối với tài sản đó". Khái niệm tài sản như vậy thậm chí rộng hơn khái niệm tài sản theo Bộ luật Dân sự năm 2015.

Như vậy, tài sản mã hóa hoàn toàn có thể được coi là một loại tài sản được điều chỉnh bởi pháp luật phòng, chống rửa tiền. Tuy nhiên, các quy định của Luật Phòng, chống rửa tiền năm 2012 mới chỉ tập trung chủ yếu vào đối tượng là: (i) Các tổ chức tài chính, ngân hàng là tổ chức được cấp giấy phép thực hiện một hoặc một số hoạt động chứng khoán, bảo hiểm, ngân hàng và (ii) Tổ chức, cá nhân kinh doanh ngành nghề phi tài chính có liên quan là tổ chức, cá nhân thực hiện một hoặc một số hoạt động kinh doanh trò chơi có thưởng, casino; kinh doanh dịch vụ quản lý bất động sản, môi giới bất động sản; sàn giao dịch bất động sản; kinh doanh kim loại quý và đá quý, cung ứng dịch vụ công chứng, kế toán; dịch vụ pháp lý của luật sư, tổ chức hành nghề luật sư; dịch vụ ủy thác đầu tư; dịch vụ thành lập, quản lý, điều hành doanh nghiệp¹⁴... Các quy định này cần có hướng dẫn chi tiết để điều chỉnh việc phòng, chống rửa tiền liên quan tài sản ảo, tài sản mã hóa nói chung và tiền ảo, tiền mã hóa nói riêng.

Trong khi đó, Điều 324 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định về Tội rửa tiền. Theo đó, một người thực hiện một trong các hành vi sau đây sẽ cấu thành tội rửa tiền: (i) Tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp vào giao dịch tài chính, ngân hàng hoặc giao dịch khác nhằm che giấu nguồn gốc bất hợp pháp của tiền, tài sản do mình phạm tội mà có hoặc biết hay có cơ sở để biết là do người khác phạm tội mà có; (ii) Sử dụng tiền, tài sản do mình phạm tội mà có hoặc biết hay có cơ sở để biết là do người khác thực hiện hành vi phạm tội mà có vào việc tiến hành các hoạt động kinh doanh hoặc hoạt động khác; (iii) Che giấu thông tin về nguồn gốc, bản chất thực sự, vị trí, quá trình di chuyển hoặc quyền sở hữu đối với tiền, tài sản do mình phạm tội mà có hoặc biết hay có cơ sở để biết là do người khác phạm tội mà có hoặc cản trở việc xác minh các thông tin đó; và (iv) Thực hiện trong các hành vi nêu trên đối với tiền, tài sản biết là có được từ việc chuyển dịch, chuyển nhượng, chuyển đổi tiền, tài sản do người khác thực hiện hành vi phạm tội mà có.

¹⁴ Khoản 3 và 4 Điều 4 Luật Phòng, chống rửa tiền năm 2012

Như vậy, về nguyên tắc, giao dịch về tài sản mã hóa nếu thỏa mãn các dấu hiệu của tội rửa tiền thì sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật hình sự. Cũng giống như những phân tích đối với hai hành vi trên, chủ thể sử dụng tài sản ảo, tài sản mã hóa nói chung và tiền ảo, tiền mã hóa nói riêng nhằm mục đích tài trợ khủng bố sẽ phải chịu trách nhiệm hình sự về Tội khủng bố nhằm chống chính quyền nhân dân được quy định tại Điều 113 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, hoặc Tội tài trợ khủng bố được quy định tại Điều 300 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Về Tội tài trợ khủng bố, Điều 300 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định người nào huy động, hỗ trợ tiền, tài sản dưới bất kỳ hình thức nào cho tổ chức, cá nhân khủng bố, thì có thể cấu thành tội này.

Như vậy, công cụ, phương tiện được sử dụng để tài trợ khủng bố theo quy định này là tiền hay rộng hơn là tài sản. Như đã phân tích, tài sản ảo, tài sản mã hóa nói chung và tiền ảo, tiền mã hóa nói riêng là một dạng "tài sản" đặc biệt nên thuộc phạm vi điều chỉnh của quy định này. Trên thực tế, các quốc gia và các tổ chức quốc tế rất chú trọng đến vấn đề ngăn chặn việc sử dụng tài sản ảo, tiền ảo, nhất là tài sản mã hóa, tiền mã hóa nói riêng để rửa tiền và tài trợ khủng bố.

2.8. Về phòng, chống tham nhũng

Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2005, sửa đổi, bổ sung năm 2007, 2012 cũng như Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 (có hiệu lực từ ngày 01/7/2019) đã quy định các biện pháp để thực hiện mục tiêu phòng, chống tham nhũng, nhất là trong khu vực công. Cụ thể, khoản 2 Điều 40 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2005, sửa đổi, bổ sung năm 2007, 2012 quy định về việc cấm nhận quà tặng của cán bộ, công chức, viên chức. Theo đó, cán bộ, công chức, viên chức không được nhận "tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác" của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân liên quan đến công việc do mình giải quyết hoặc thuộc phạm vi quản lý của mình. Khoản 2 Điều 22 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 cũng quy định tương tự nhưng chặt chẽ hơn, theo đó, "Cơ quan, tổ chức, đơn vị, người có chức vụ, quyền hạn không được trực tiếp hoặc gián tiếp nhận quà tặng dưới mọi hình thức của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan đến công việc do mình giải quyết hoặc thuộc phạm vi quản lý của mình".

Như vậy, tài sản ảo, tài sản mã hóa nói chung và tiền ảo, tiền mã hóa nói riêng đều có thể được coi là “quà tặng dưới mọi hình thức” hay “tài sản hoặc lợi ích vật chất khác” theo quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng. Điều 45 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2005, sửa đổi, bổ sung năm 2007, 2012 và Điều 35 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 quy định cụ thể các loại tài sản, thu nhập mà người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập phải kê khai, trong đó có kim khí quý, đá quý, tiền, giấy tờ có giá và động sản khác mà mỗi tài sản từ 50.000.000 đồng trở lên.

Về nguyên tắc, tài sản mã hóa có thể thuộc trường hợp tài sản hay động sản khác và phải thực hiện kê khai loại tài sản này (nếu có giá trị từ 50.000.000 trở lên). Tóm lại, tài sản ảo, tài sản mã hóa nói chung và tiền ảo, tiền mã hóa nói riêng là loại tài sản đặc biệt có thể thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2005, sửa đổi, bổ sung năm 2007, 2012 cũng như Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018. Tuy nhiên, các quy định của pháp luật về phòng chống tham nhũng chỉ mang tính nguyên tắc, do đó, việc xác định ản có giá trị từ hành vi vi phạm liên quan đến “tài sản” đặc biệt này sẽ khó khăn hơn so với các loại tài sản truyền thống.

2.9. Về xử lý vi phạm hành chính

Theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012, sửa đổi, bổ sung năm 2014, 2017: “Vi phạm hành chính là hành vi có lỗi do cá nhân, tổ chức thực hiện, vi phạm quy định của pháp luật về quản lý nhà nước mà không phải là tội phạm và theo quy định của pháp luật phải bị xử phạt vi phạm hành chính”¹⁵. Mặt khác, chỉ có Chính phủ trên cơ sở các quy định của Luật này mới có thẩm quyền quy định hành vi vi phạm hành chính¹⁶.

Như vậy, để bị coi là vi phạm hành chính thì phải có quy định pháp luật (ít nhất dưới hình thức nghị định) về quản lý nhà nước (mà không phải là tội phạm) và có hành vi vi phạm quy định đó. Tuy nhiên, như đã phân tích, pháp luật Việt Nam hiện hành chưa có quy định cụ thể về tài sản ảo, tiền ảo nói chung và tài sản mã hóa, tiền mã hóa nói riêng. Do đó, hiện tại rất khó vận dụng pháp luật xử lý vi phạm hành chính đối với các hành vi liên quan đến loại tài sản đặc biệt này.

¹⁵ Khoản 1 Điều 2 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012, sửa đổi, bổ sung năm 2014, 2017

¹⁶ Điều 4 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012, sửa đổi, bổ sung năm 2014, 2017

3. Về quản lý thuế đối với tài sản ảo, tài sản hóa nói chung và tiền ảo, tiền mã hóa nói riêng mà

3.1. Về thuế giá trị gia tăng

Theo Luật Thuế giá trị gia tăng năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2013, 2014, 2016 thuế giá trị gia tăng là thuế tính trên giá trị tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ phát sinh trong quá trình từ sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng (Điều 2); hàng hóa, dịch vụ sử dụng cho sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng ở Việt Nam là đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng, trừ 25 nhóm hàng hóa, dịch vụ được quy định tại Điều 5 Luật Thuế giá trị gia tăng năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2013, 2014, 2016 (Điều 3); người nộp thuế giá trị gia tăng là tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng và tổ chức, cá nhân nhập khẩu hàng hóa chịu thuế giá trị gia tăng (Điều 4). Cần lưu ý là các dịch vụ tài chính, ngân hàng, kinh doanh chứng khoán là một trong số 25 đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng (Điều 5), bao gồm các dịch vụ: dịch vụ cấp tín dụng của tổ chức tín dụng và dịch vụ cho vay của người nộp thuế không phải là tổ chức tín dụng; kinh doanh chứng khoán; chuyển nhượng vốn; bán nợ; kinh doanh ngoại tệ; dịch vụ tài chính phái sinh; và bán tài sản bảo đảm của khoản nợ của tổ chức mà Nhà nước sở hữu 100 % vốn điều lệ do Chính phủ thành lập để xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng Việt Nam.

Kinh nghiệm quốc tế cũng như pháp luật dân sự Việt Nam như đã phân tích cho thấy tài sản ảo, tài sản mã hóa nói chung và tiền ảo, tiền mã hóa nói riêng là tài sản; tuy nhiên, nó là hàng hóa, dịch vụ hay phương tiện thanh toán, ngoại tệ hay chứng khoán còn có nhiều quan điểm khác nhau. Theo quy định pháp luật hiện hành của Việt Nam, tài sản ảo, tài sản mã hóa nói chung và tiền ảo, tiền mã hóa nói riêng không phải là phương tiện thanh toán (mặc dù pháp luật một số quốc gia như Nhật Bản, Ôxtrâylia, Liên minh châu Âu coi tiền ảo, tiền mã hóa là phương tiện thanh toán); tuy nhiên, nếu chúng là bằng chứng xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với tài sản hoặc phần vốn của tổ chức phát hành theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Luật chứng khoán năm 2006, sửa đổi, bổ sung năm 2010, 2018 thì nó không chịu thuế giá trị gia tăng. Theo pháp luật thuế của một số quốc gia, tài sản ảo, tài sản mã hóa nói chung và tiền ảo, tiền mã hóa nói riêng được coi là hàng hóa (như Thái Lan) hay dịch vụ (cung cấp dịch vụ như Singapore) nên thuộc đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng (hay

thuế tiêu dùng GST). Tuy nhiên, tài sản ảo, tài sản mã hóa nói chung và tiền ảo, tiền mã hóa nói riêng có phải là hàng hóa, dịch vụ hay không theo pháp luật thuế Việt Nam hiện hành là điều chưa rõ ràng do Luật Thuế giá trị gia tăng năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2013, 2014, 2016 đang liệt kê đối tượng chịu thuế và đối tượng miễn thuế chứ chưa đi vào bản chất của thuế giá trị gia tăng.

3.2. Về thuế thu nhập

- Theo Luật Thuế thu nhập cá nhân năm 2007, sửa đổi, bổ sung năm 2012, 2014, đối tượng nộp thuế thu nhập cá nhân là cá nhân cư trú có thu nhập chịu thuế phát sinh trong và ngoài lãnh thổ Việt Nam và cá nhân không cư trú có thu nhập chịu thuế phát sinh trong lãnh thổ Việt Nam (Điều 2). Thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân bao gồm: thu nhập từ kinh doanh; thu nhập từ tiền lương, tiền công; thu nhập từ đầu tư vốn; thu nhập từ chuyển nhượng vốn; thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản, thu nhập từ trúng thưởng; thu nhập từ bản quyền; thu nhập từ nhượng quyền thương mại; thu nhập từ nhận thừa kế là chứng khoán, phần vốn trong các tổ chức kinh tế, cơ sở kinh doanh, bất động sản và tài sản khác phải đăng ký sở hữu hoặc đăng ký sử dụng; thu nhập từ nhận quà tặng là chứng khoán, phần vốn trong các tổ chức kinh tế, cơ sở kinh doanh, bất động sản và tài sản khác phải đăng ký sở hữu hoặc đăng ký sử dụng (Điều 3). Tuy nhiên, một số khoản thu nhập cá nhân được miễn thuế theo quy định tại Điều 4 Luật này.

Theo Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2013, 2014, người nộp thuế thu nhập doanh nghiệp là tổ chức hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ có thu nhập chịu thuế (Điều 2). Thu nhập chịu thuế bao gồm thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ và thu nhập khác, như: nhập từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng quyền góp vốn; thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản, chuyển nhượng dự án đầu tư, chuyển nhượng quyền tham gia dự án đầu tư, chuyển nhượng quyền thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản; thu nhập từ quyền sử dụng tài sản, quyền sở hữu tài sản, thu nhập từ chuyển nhượng, cho thuê, thanh lý tài sản, trong đó có các loại giấy tờ có giá; thu nhập từ lãi tiền gửi, cho vay vốn, bán ngoại tệ; khoản thu từ nợ khó đòi đã xóa này đòi được; khoản thu từ nợ phải trả không xác định được chủ; khoản thu nhập từ kinh doanh của những năm trước bị bỏ sót và các

khoản thu nhập khác (Điều 3). Tuy nhiên, một số khoản thu nhập của doanh nghiệp được miễn thuế theo quy định tại Điều 4.

Về bản chất thuế thu nhập là thuế được đánh đối với bất kỳ khoản thu nhập nào của doanh nghiệp, cá nhân, trừ trường hợp thu nhập đó được miễn thuế thu nhập. Tuy nhiên, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và Luật Thuế thu nhập cá nhân của Việt Nam hiện hành đang thiết kế theo hướng liệt kê không chỉ đối với thu nhập chịu thuế mà cả thu nhập không chịu thuế. Điều này dẫn đến tình trạng không bao quát được hết các khoản thu nhập chịu thuế. Mặt khác, như đã đề cập ở trên, quan điểm có coi tài sản ảo, tài sản mã hóa nói chung và tiền ảo, tiền mã hóa nói riêng như Bitcoin là hàng hóa, dịch vụ hay không còn chưa rõ ràng. Trong khi đó, mặc dù Luật Thuế thu nhập cá nhân năm 2007, sửa đổi, bổ sung năm 2012, 2014 quy định thu nhập từ kinh doanh của cá nhân là thu nhập chịu thuế, Luật này lại liệt kê thu nhập từ kinh doanh gồm: thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ; và thu nhập từ hoạt động hành nghề độc lập của cá nhân có giấy phép hoặc chứng chỉ hành nghề theo quy định của pháp luật. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre trong Bản án số 22/2017/HC - ST ngày 21/9/2017 về việc khiếu kiện quyết định truy thu thuế, cho rằng không có cơ sở để khẳng định Bitcoin là hàng hóa. Do đó, việc cơ quan thuế cho rằng Bitcoin là hàng hóa, việc mua bán Bitcoin là kinh doanh hàng hóa nên phải chịu thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân là không có căn cứ. Tuy nhiên, nếu xét về bản chất của thuế thu nhập thì kết luận như vậy có thể chưa chính xác.

Cần lưu ý rằng Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2013, 2014 cũng quy định liệt kê theo hướng thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp gồm thu nhập hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ và thu nhập khác. Mặc dù có thể còn tranh cãi về việc tài sản ảo, tài sản mã hóa nói chung và tiền ảo, tiền mã hóa nói riêng là hàng hóa, dịch vụ hay không, Luật này còn liệt kê thu nhập khác thuộc đối tượng chịu thuế thu nhập doanh nghiệp, trong đó có thu nhập từ quyền sử dụng tài sản, quyền sở hữu tài sản. Do đó, trong mọi trường hợp, thu nhập phát sinh từ hoạt động kinh doanh "tài sản" đặc biệt này (kể cả "đào" tài sản mã hóa) thuộc đối tượng chịu thuế thu nhập doanh nghiệp.

Tài liệu tham khảo

1. Andy Greenberg, “Crypto Currency”,
<https://www.forbes.com/forbes/2011/0509/technology-psilocybin-bitcoins-gavin-andre-sen-crypto-currency.html?sh=6d8885a6353e>

2. Cryptocurrencies: A Brief Thematic Review. Economics of Networks Journal. Social Science Research Network (SSRN),
https://papers.ssrn.com/sol3/papers.cfm?abstract_id=3024330

3. Bộ luật Dân sự năm 2015

4. Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017

5. Luật Công nghệ thông tin năm 2006, sửa đổi, bổ sung năm 2017

6. Luật Giao dịch điện tử năm 2005

7. Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2018

8. Luật Phòng, chống rửa tiền năm 2012

9. Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2013, 2014

10. Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012, sửa đổi, bổ sung năm 2014, 2017